

Số: 222/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên khóa 2023 cao đẳng
(mã khóa 23C1, C3, C8) và sinh viên các khoá cũ
(Tháng 6/2026)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-LTT-TC ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp.HCM;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-LTT-ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Kiện toàn Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên Trung cấp, cao đẳng năm học 2025-2026;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2025 - 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh Đào tạo – Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 564 sinh viên các khóa, cụ thể như sau:

1. Các khoá cũ: 05 sinh viên
2. Khóa 23C1: 513 sinh viên
3. Khóa 23C3: 42 sinh viên
4. Khóa 23C8: 04 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đủ chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, TSĐT (Thảo).

Q. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2023 CAO ĐẲNG (Mã 23C1, C3, C8)
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT XÉT THÁNG 6/2026**

(Kèm theo Quyết định số 282/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
1	17003828	Nguyễn Châu	Tuấn	Nam	22/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-KML2	A		6,25	Trung bình	BĐXN
2	20005032	Trần Duy	Khang	Nam	11/02/2002	Tiền Giang	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,37	Trung bình	
3	20003985	Nguyễn Thanh	Thuận	Nam	09/05/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ11			6,64	Trung bình	
4	20004950	Nguyễn Hồng	Hải	Nam	14/01/2001	Bến Tre	20C6-CĐT1	TC3	TOEIC 400	6,74	Trung bình	
5	21002613	Huỳnh Hồng	Đức	Nam	02/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C7-ĐCN1			6,37	Trung bình	
6	23001603	Võ Hoàng	Bảo	Nam	27/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK1			2,20	Trung bình	
7	23001702	Đặng Thành	Công	Nam	27/12/2005	Tây Ninh	23C1-CCK1		TOEIC 350	2,49	Trung bình	
8	23000589	Nguyễn Đình	Cường	Nam	01/01/2002	Ninh Thuận	23C1-CCK1		TOEIC 350	2,53	Khá	
9	23000516	Phan Nhật	Đông	Nam	07/10/2005	Bến Tre	23C1-CCK1	A	TOEIC 350	3,34	Giỏi	
10	23002024	Bùi Minh Tấn	Được	Nam	21/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK1	A	TOEIC 350	2,85	Khá	
11	23001768	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	12/02/2005	Tiền Giang	23C1-CCK1		TOEIC 350	2,60	Khá	
12	23001805	Phạm Thanh	Hoài	Nam	08/10/2005	Tiền Giang	23C1-CCK1			2,12	Trung bình	
13	23002257	Lê Nguyễn Thịnh	Hưng	Nam	19/08/2005	Tây Ninh	23C1-CCK1			2,73	Khá	
14	23001478	Trương Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	10/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK1			2,78	Khá	
15	23001945	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	24/06/2005	Bến Tre	23C1-CCK1			2,62	Khá	
16	23001974	Mai Thanh	Phương	Nam	21/05/2005	Bến Tre	23C1-CCK1			2,37	Trung bình	
17	23001975	Trương Hoài	Sơn	Nam	16/08/2005	Bến Tre	23C1-CCK1			2,72	Khá	
18	23002198	Võ Văn	Tiên	Nam	28/05/2005	Đắk Lắk	23C1-CCK1			2,47	Trung bình	
19	23001932	Lê Hoàng	Tú	Nam	20/12/2005	Long An	23C1-CCK1	A	TOEIC 350	2,77	Khá	
20	23002128	Trương Đại	Vệ	Nam	12/10/2005	Tiền Giang	23C1-CCK1			2,32	Trung bình	
21	23002556	Đặng Quốc	Anh	Nam	08/06/2005	Trà Vinh	23C1-CCK2		TOEIC 350	2,34	Trung bình	
22	23004343	Đặng Xuân	Bắc	Nam	15/03/2005	Đắk Lắk	23C1-CCK2	A	TOEIC 350	2,11	Trung bình	
23	23002651	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	Nam	01/10/2005	Kiên Giang	23C1-CCK2	A	TOEIC 350	2,32	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
24	23002647	Lê Sỹ	Hùng	Nam	22/10/2005	Hà Tĩnh	23C1-CCK2	A	TOEIC 350	2,56	Khá	
25	23002567	Phạm Đức	Huy	Nam	16/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK2	A	TOEIC 350	2,22	Trung bình	
26	23004377	Lý Tuấn	Kiệt	Nam	07/05/2005	Quảng Ngãi	23C1-CCK2		TOEIC 350	2,56	Khá	
27	23004413	Lê Thanh	Minh	Nam	20/08/2003	Thừa Thiên -Huế	23C1-CCK2		TOEIC 350	2,44	Trung bình	
28	23002582	Võ Đình	Nguyên	Nam	30/10/2005	Bến Tre	23C1-CCK2			2,27	Trung bình	
29	23002304	Nguyễn Văn	Phụng	Nam	22/01/2005	Đắk Nông	23C1-CCK2			2,93	Khá	
30	23002734	Lại Minh	Quang	Nam	08/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK2	A	TOEIC 350	2,68	Khá	
31	23002599	Võ Hoài	Thương	Nam	06/02/2005	Bến Tre	23C1-CCK2	A		2,17	Trung bình	
32	23002348	Ngô Trần Công	Anh	Nam	03/08/2005	Bình Thuận	23C1-CCK3		TOEIC 350	2,29	Trung bình	
33	23002388	Đàm Chí	Cương	Nam	09/06/2005	Bình Phước	23C1-CCK3		TOEIC 350	2,86	Khá	
34	23004529	Hoàng Đức	Duy	Nam	08/11/2005	Bình Phước	23C1-CCK3		TOEIC 350	2,21	Trung bình	
35	23004893	Ngô Hoàng Đình	Huy	Nam	22/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK3	A	TOEIC 350	2,66	Khá	
36	23001968	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	10/07/2005	Đồng Tháp	23C1-CCK3			2,44	Trung bình	
37	23001972	Bùi Quang	Nhật	Nam	11/08/2005	Bến Tre	23C1-CCK3		TOEIC 350	2,19	Trung bình	
38	23005166	Võ Minh	Nhật	Nam	26/11/2002	Long An	23C1-CCK3	A	TOEIC 350	3,01	Giỏi	
39	23001311	Lê Thuận	Phát	Nam	12/03/2005	Tiền Giang	23C1-CCK3		TOEIC 350	2,59	Khá	
40	23002730	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	20/09/2005	Đồng Tháp	23C1-CCK3			2,76	Khá	
41	23001830	Phạm Phan Thiên	Phước	Nam	01/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK3			2,12	Trung bình	
42	23002615	Vương Hữu	Thuận	Nam	08/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CCK3			3,13	Giỏi	
43	23002261	Nguyễn Đình Thiên	Ân	Nam	19/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CĐT1			2,84	Khá	
44	23004814	Lư Thành	Đạt	Nam	13/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CĐT1	A	TOEIC 350	3,68	Xuất sắc	
45	23002495	Lê Hoàng	Kha	Nam	07/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CĐT1			2,51	Khá	
46	23000500	Đỗ Anh	Kỳ	Nam	30/10/2004	An Giang	23C1-CĐT1			2,36	Trung bình	
47	23001566	Bùi Hữu	Nghĩa	Nam	04/08/2005	Cần Thơ	23C1-CĐT1			2,85	Khá	
48	23006366	Đoàn Quốc	Bảo	Nam	15/12/2003	Long An	23C1-CMT1		TOEIC 350	2,86	Khá	
49	23000231	Lại Quí	Chuyển	Nam	14/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CMT1		TOEIC 350	3,21	Giỏi	
50	23002018	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	07/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CMT1			2,58	Khá	
51	23001918	Phạm An Tấn	Đạt	Nam	15/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CMT1		TOEIC 350	3,05	Giỏi	
52	23004693	Phan Quỳnh Tuấn	Hải	Nam	13/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CMT1		TOEIC 350	2,95	Khá	
53	23002678	Đào Tiến	Khang	Nam	24/01/2004	Bình Thuận	23C1-CMT1		TOEIC 350	3,14	Giỏi	
54	23001965	Phan Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	01/11/2004	Long An	23C1-CMT1		TOEIC 350	3,09	Giỏi	
55	23004513	Võ Trung	Kiên	Nam	21/09/2005	Quảng Ngãi	23C1-CMT1			2,92	Khá	
56	23002736	Nguyễn Đình	Lộc	Nam	26/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CMT1		TOEIC 350	2,59	Khá	
57	23004714	Tổng Duy Bình	Minh	Nam	25/02/2005	Thừa Thiên -Huế	23C1-CMT1			2,98	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
58	23004691	Đặng Huỳnh Quốc	Thái	Nam	02/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CMT1		TOEIC 350	2,98	Khá	
59	23002277	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	21/10/2005	Lâm Đồng	23C1-CMT1		TOEIC 350	2,72	Khá	
60	23001654	Trương Đình	Trí	Nam	30/07/2005	Bình Dương	23C1-CMT1		TOEIC 350	2,85	Khá	
61	23002335	Nguyễn Siêu Nhân	Hy	Nam	22/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNL1	A	TOEIC 350	2,97	Khá	
62	23001350	Đặng Tuấn	Kiệt	Nam	08/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNL1	A	TOEIC 350	2,28	Trung bình	
63	23001526	Trần Văn	Lên	Nam	28/11/2005	Trà Vinh	23C1-CNL1	A		2,62	Khá	
64	23004329	Đoàn Chí Nhựt	Nam	Nam	15/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNL1	A		2,56	Khá	
65	23001630	Phạm Đoàn Phúc	Nguyên	Nam	16/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNL1	A	TOEIC 350	2,22	Trung bình	
66	23002256	Lê Thanh	Nhật	Nam	26/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNL1	A	TOEIC 350	3,20	Giỏi	
67	23004352	Lê Văn	Nhựt	Nam	25/07/2005	Tiền Giang	23C1-CNL1	A		2,73	Khá	
68	23002075	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	14/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNL1	A		2,42	Trung bình	
69	23000389	Võ Hoàng	An	Nam	10/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,61	Khá	
70	23000279	Nguyễn Công	Đạo	Nam	11/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,49	Trung bình	
71	23000514	Lê Trọng	Dinh	Nam	28/08/2004	Long An	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,61	Khá	
72	23000291	Lê Văn	Dương	Nam	04/12/1987	Quảng Trị	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	3,60	Xuất sắc	
73	23000705	Lê Văn Trường	Giang	Nam	23/02/2003	An Giang	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,44	Trung bình	
74	23002780	Nguyễn Duy	Hiếu	Nam	10/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1			2,18	Trung bình	
75	23001430	Trần Vi Thanh	Hùng	Nam	31/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,26	Trung bình	
76	23004542	Trần Thanh	Khang	Nam	22/08/2005	Bình Dương	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	3,37	Giỏi	
77	23000147	Nguyễn Đặng Đăng	Khoa	Nam	10/03/2002	Tây Ninh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,47	Trung bình	
78	23001375	Nguyễn Ngọc	Khoa	Nam	24/08/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,68	Khá	
79	23000426	Trần Anh	Kiệt	Nam	25/12/2005	Trà Vinh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	3,28	Giỏi	
80	23001304	Nguyễn Quang	Linh	Nam	22/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1			2,29	Trung bình	
81	23001309	Đặng Đức	Minh	Nam	09/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1		TOEIC 350	2,80	Khá	
82	23000708	Trần Công	Nam	Nam	16/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	3,45	Giỏi	
83	23001373	Nguyễn Tài	Nguyên	Nam	16/08/2005	Lâm Đồng	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,69	Khá	
84	23001055	Nguyễn Minh	Nhựt	Nam	29/05/2002	Bến Tre	23C1-CNÔ1			2,50	Khá	
85	23001303	Trịnh Đình	Phong	Nam	21/09/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,83	Khá	
86	23000333	Nguyễn Kim	Phúc	Nam	10/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1			2,37	Trung bình	
87	23001451	Nguyễn Thế Hoàng	Phúc	Nam	05/06/2005	Đồng Nai	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	3,21	Giỏi	
88	23000378	Ngô Trí	Tài	Nam	22/10/2003	Đồng Nai	23C1-CNÔ1			2,28	Trung bình	
89	23000394	Trần Gia	Thịnh	Nam	20/07/2005	Hậu Giang	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,64	Khá	
90	23000901	Lương Công	Thông	Nam	20/10/1998	Gia Lai	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	3,12	Giỏi	
91	23002782	Nguyễn Hữu	Thụ	Nam	05/01/2004	Bạc Liêu	23C1-CNÔ1			2,74	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
92	23004284	Trần Thanh	Tiến	Nam	17/09/2005	Long An	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,78	Khá	
93	23000030	Nguyễn Xuân Đức	Toàn	Nam	26/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,28	Trung bình	
94	23000058	Trần Phi	Trường	Nam	17/03/2001	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,54	Khá	
95	23000219	Võ Ngọc	Trường	Nam	12/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1			2,22	Trung bình	
96	23000135	Nguyễn Đức	Tú	Nam	10/10/2001	Quảng Nam	23C1-CNÔ1			2,54	Khá	
97	23002604	Sơn Minh	Tuấn	Nam	14/11/2005	Trà Vinh	23C1-CNÔ1	A		2,37	Trung bình	
98	23000307	Trần Anh	Tuấn	Nam	06/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	3,10	Giỏi	
99	23001355	Lê Hữu	Vinh	Nam	06/10/2003	Bến Tre	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,62	Khá	
100	23002588	Vì Hoàng	Vũ	Nam	09/09/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,62	Khá	
101	23001332	Trần Đoàn Quang	Vương	Nam	07/04/2002	Gia Lai	23C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,30	Trung bình	
102	23001746	Nguyễn Duy	Băng	Nam	25/06/2005	Ninh Thuận	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,35	Trung bình	
103	23002612	Cao Hoàng Gia	Bảo	Nam	30/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A		2,61	Khá	
104	23001580	Lưu Hải	Đăng	Nam	21/04/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,35	Trung bình	
105	23001605	Nguyễn Minh Tuấn	Đạt	Nam	24/05/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,65	Khá	
106	23001607	Kiều Quốc	Duy	Nam	03/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,81	Khá	
107	23001655	Nguyễn Đặng Khánh	Duy	Nam	07/09/2005	Long An	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,38	Trung bình	
108	23001601	Phan Đình	Hiền	Nam	06/06/2005	Bến Tre	23C1-CNÔ2	A		2,24	Trung bình	
109	23001782	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	13/12/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,32	Trung bình	
110	23001686	Trần Huỳnh Chí	Hùng	Nam	15/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,61	Khá	
111	23001539	Huỳnh Gia	Huy	Nam	08/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,27	Trung bình	
112	23001468	Lê Quang	Huy	Nam	24/06/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ2	A		2,35	Trung bình	
113	23004296	Trần Công Nguyên	Khang	Nam	10/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A		2,88	Khá	
114	23001779	Hứa Lê	Kiệt	Nam	09/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A		2,64	Khá	
115	23002584	Doãn	Lâm	Nam	07/08/2004	Đắk Lắk	23C1-CNÔ2			2,35	Trung bình	
116	23001562	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	11/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,12	Trung bình	
117	23004319	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	09/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,43	Trung bình	
118	23001744	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	25/02/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,70	Khá	
119	23001687	Phan Thanh	Phong	Nam	11/09/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,89	Khá	
120	23001642	Lê Hữu	Phúc	Nam	16/11/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,53	Khá	
121	23001785	Hoàng Anh	Quân	Nam	08/09/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,51	Khá	
122	23001765	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	02/06/2005	Lâm Đồng	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,32	Trung bình	
123	23001652	Đoàn Hữu Quốc	Thịnh	Nam	10/11/2005	Khánh Hoà	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,84	Khá	
124	23001770	Phan Công	Tịnh	Nam	18/07/2005	Bình Định	23C1-CNÔ2		TOEIC 350	2,12	Trung bình	
125	23001683	Giáp Minh	Trí	Nam	14/08/2005	Bình Định	23C1-CNÔ2		TOEIC 350	2,13	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
126	23001537	Trần Văn	Triệu	Nam	27/05/2005	Đồng Tháp	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,93	Khá	
127	23001595	Đặng Ngọc	Truyền	Nam	27/06/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	2,62	Khá	
128	23001538	Phùng Minh	Vũ	Nam	09/04/2005	Nghệ An	23C1-CNÔ2		TOEIC 350	2,45	Trung bình	
129	23001930	Nguyễn Nhật	Anh	Nam	21/09/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ3			2,30	Trung bình	
130	23001833	Nguyễn Thế	Anh	Nam	14/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3			2,73	Khá	
131	23001838	Nguyễn Công	Bằng	Nam	24/05/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ3			2,54	Khá	
132	23001855	Huỳnh Gia	Bảo	Nam	09/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3			2,39	Trung bình	
133	23001825	Nguyễn	Bềng	Nam	30/09/2005	Lâm Đồng	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,65	Khá	
134	23001837	Đỗ Thành	Đạt	Nam	23/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3			2,33	Trung bình	
135	23001878	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	14/10/2005	Long An	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	3,65	Xuất sắc	
136	23001808	Trần Tuấn	Đạt	Nam	03/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3			2,52	Khá	
137	23001809	Nguyễn Thái	Dương	Nam	08/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3		TOEIC 350	2,31	Trung bình	
138	23001950	Đặng Đăng	Duy	Nam	26/08/2005	Gia Lai	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,42	Trung bình	
139	23004349	Hoàng Ngọc Minh	Hiếu	Nam	28/04/2004	Đắk Lắk	23C1-CNÔ3		TOEIC 350	3,10	Giỏi	
140	23001842	Ngô Huỳnh Gia	Huy	Nam	19/07/2005	Bến Tre	23C1-CNÔ3		TOEIC 350	2,35	Trung bình	
141	23001941	Nguyễn Đức	Huy	Nam	20/02/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ3		TOEIC 350	2,43	Trung bình	
142	23004315	Trần Duy	Khang	Nam	01/05/2005	Kiên Giang	23C1-CNÔ3	A		2,50	Khá	
143	23001914	Bùi Minh	Khúc	Nam	29/09/2005	Long An	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	3,33	Giỏi	
144	23001890	Triệu Quang	Lâm	Nam	07/07/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,60	Khá	
145	23002561	Trần Hữu	Minh	Nam	10/01/2005	Đồng Nai	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	3,07	Giỏi	
146	23001881	Hồ Đình	Nguyên	Nam	18/08/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ3			2,39	Trung bình	
147	23001902	Trần Hoàng Trọng	Nhân	Nam	17/02/2005	Kiên Giang	23C1-CNÔ3	A		2,44	Trung bình	
148	23002641	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	24/04/2005	Long An	23C1-CNÔ3	A		2,63	Khá	
149	23004351	Đặng Lê Quang	Phú	Nam	10/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	3,25	Giỏi	
150	23001936	Nguyễn Trần Thanh	Phú	Nam	10/02/2005	An Giang	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	3,36	Giỏi	
151	23001800	Dương Hoàng	Phúc	Nam	11/06/2005	Long An	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,89	Khá	
152	23002708	Hoàng Thanh	Phương	Nam	01/06/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ3	A		2,51	Khá	
153	23001904	Lê Trương Quốc	Thái	Nam	11/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3		TOEIC 350	2,54	Khá	
154	23001895	Dương Quốc	Thắng	Nam	22/07/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,51	Khá	
155	23001811	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	16/01/2005	Long An	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,47	Trung bình	
156	23001884	Trần Ngọc	Thiên	Nam	29/12/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ3			2,31	Trung bình	
157	23001807	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	21/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3			2,48	Trung bình	
158	23002758	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	02/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,87	Khá	
159	23001889	Nguyễn Trọng	Việt	Nam	29/11/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ3	A		2,62	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
160	23001907	Trương Quang	Vương	Nam	26/10/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	2,87	Khá	
161	23004674	Phạm Quốc	Cường	Nam	18/11/2005	Long An	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,26	Trung bình	
162	23002666	Lê Anh	Dũng	Nam	05/10/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ4	A		2,35	Trung bình	
163	23001954	Nguyễn Hữu	Duy	Nam	19/07/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,67	Khá	
164	23004449	Võ Trần Anh	Hiếu	Nam	28/08/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,29	Trung bình	
165	23002094	Vũ Minh	Hiếu	Nam	11/10/2005	Kiên Giang	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,68	Khá	
166	23002100	Huỳnh Thanh	Hoàng	Nam	08/06/2005	Bến Tre	23C1-CNÔ4			2,28	Trung bình	
167	23002070	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	26/05/2005	Đắk Lắk	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,68	Khá	
168	23002002	Trần Xuân	Hoàng	Nam	11/03/2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,19	Trung bình	
169	23004361	Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	13/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,93	Khá	
170	23002096	Nguyễn Lê Thành	Long	Nam	22/01/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,46	Trung bình	
171	23002003	Đoàn Trung	Nam	Nam	24/05/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,35	Trung bình	
172	23002589	Phạm Trung	Nam	Nam	16/03/2003	Bình Phước	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,46	Trung bình	
173	23004364	Lê Trần Hữu	Nghĩa	Nam	20/01/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,05	Trung bình	
174	23002123	Lê Văn	Nguyên	Nam	28/06/2005	Lâm Đồng	23C1-CNÔ4			2,29	Trung bình	
175	23001985	Lâm Chí	Phát	Nam	12/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,92	Khá	
176	23002007	Đỗ Chơn Ngọc	Phú	Nam	28/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,62	Khá	
177	23004299	Cao Hồng	Phước	Nam	31/01/2005	An Giang	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,72	Khá	
178	23002757	Mai Anh	Quân	Nam	20/07/1998	Hải Phòng	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,84	Khá	
179	23001983	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	26/01/2004	Bình Phước	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,59	Khá	
180	23001969	Trương Đình	Quý	Nam	26/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,68	Khá	
181	23001999	Nguyễn Đình	Sơn	Nam	26/07/2005	Đắk Lắk	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,09	Trung bình	
182	23001957	Ngô Tấn	Tài	Nam	01/09/2005	Bến Tre	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,59	Khá	
183	23002027	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	07/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,60	Khá	
184	23002598	Võ Thanh	Thiện	Nam	31/08/2005	Quảng Nam	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,10	Trung bình	
185	23004301	Quách Quang	Thuận	Nam	19/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,58	Khá	
186	23002084	Phan Minh	Tiến	Nam	28/02/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ4		TOEIC 350	2,23	Trung bình	
187	23002022	Lê Quốc	Việt	Nam	27/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,42	Trung bình	
188	23002664	Lê Trường	Vũ	Nam	15/05/2000	Quảng Trị	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	3,02	Giỏi	
189	23002053	Nguyễn Hoàn	Vũ	Nam	03/03/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	2,33	Trung bình	
190	22002993	Đỗ Chơn	Bằng	Nam	24/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,57	Khá	
191	23002143	Nguyễn Thanh Lâm	Đại	Nam	01/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5		TOEIC 350	2,48	Trung bình	
192	23002166	Lê Nguyễn Phước	Đạt	Nam	20/02/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,85	Khá	
193	23002199	Nguyễn Minh	Dương	Nam	29/03/2005	Ninh Thuận	23C1-CNÔ5			2,28	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
194	23002236	Trần Đức	Hải	Nam	27/03/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,37	Trung bình	
195	23002201	Lê Thái Nhật	Huy	Nam	24/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,43	Trung bình	
196	23002296	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	15/05/2005	Long An	23C1-CNÔ5			2,29	Trung bình	
197	23004401	Nguyễn Cao Gia	Khánh	Nam	13/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	3,22	Giỏi	
198	23002248	Đoàn Trọng	Kiên	Nam	30/04/2005	An Giang	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	3,03	Giỏi	
199	23002210	Lư Hoàng	Kiệt	Nam	30/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5	A		2,28	Trung bình	
200	23002193	Tăng Đức	Lộc	Nam	02/01/2005	Lâm Đồng	23C1-CNÔ5			2,19	Trung bình	
201	23002288	Đào Kim	Long	Nam	08/01/2004	Phú Thọ	23C1-CNÔ5	A		2,29	Trung bình	
202	23004472	Thân Hoàng	Minh	Nam	14/06/2005	Trà Vinh	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,50	Khá	
203	23004371	Huỳnh Thanh	Nam	Nam	08/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5			2,08	Trung bình	
204	23002298	Lê Quốc	Nam	Nam	21/11/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ5			2,41	Trung bình	
205	23002072	Nguyễn Ngọc Minh	Nhật	Nam	01/10/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ5	A		2,18	Trung bình	
206	23004372	Trần Tấn	Phát	Nam	30/09/2005	An Giang	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	3,18	Giỏi	
207	23002310	Trần Xuân	Phi	Nam	30/11/2005	Phú Yên	23C1-CNÔ5			2,31	Trung bình	
208	23002140	Mạch Hồng	Quang	Nam	07/06/2005	Thanh Hoá	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,49	Trung bình	
209	23002177	Bùi Ngọc	Quyền	Nam	05/05/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ5			2,33	Trung bình	
210	23002208	Dương Đức	Quyền	Nam	15/05/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,42	Trung bình	
211	23002239	Nguyễn Đình	Sang	Nam	23/09/2005	Lâm Đồng	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,39	Trung bình	
212	23002315	Nguyễn Ngọc	Son	Nam	25/09/2004	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ5		TOEIC 350	2,54	Khá	
213	23002293	Phan Trọng	Tâm	Nam	15/11/2005	Long An	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,14	Trung bình	
214	23002154	Đỗ Minh	Toàn	Nam	31/12/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,62	Khá	
215	23002241	Đỗ Trọng	Toàn	Nam	25/08/2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-CNÔ5		TOEIC 350	2,66	Khá	
216	23002200	Lê Minh	Trí	Nam	20/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5			2,33	Trung bình	
217	23002325	Nguyễn Thanh Mạnh	Trí	Nam	10/01/2005	Đồng Nai	23C1-CNÔ5			2,40	Trung bình	
218	23002213	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	28/06/2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-CNÔ5	A		2,10	Trung bình	
219	23002240	Đình Trung	Trường	Nam	01/01/2005	Đồng Nai	23C1-CNÔ5			2,31	Trung bình	
220	23002244	Nguyễn Anh	Tú	Nam	10/11/2005	Lâm Đồng	23C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	2,57	Khá	
221	23002178	Lê Công	Vinh	Nam	12/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ5		TOEIC 350	2,44	Trung bình	
222	23002340	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	16/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ6		TOEIC 350	2,31	Trung bình	
223	23002460	Lê Thành	Đạt	Nam	28/07/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,14	Trung bình	
224	23004597	Đặng Hoàng	Đô	Nam	19/12/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,40	Trung bình	
225	23002477	Nguyễn Văn	Giỏi	Nam	16/07/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ6	A		2,20	Trung bình	
226	23002407	Trần Ngọc	Hào	Nam	19/10/2005	Tiền Giang	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,53	Khá	
227	23004425	Bùi Phước	Hoàng	Nam	17/02/2005	Quảng Trị	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,35	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
228	23002554	Trần Huy	Hoàng	Nam	22/09/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ6	A		2,31	Trung bình	
229	23002332	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	18/03/2004	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ6		TOEIC 350	2,64	Khá	
230	23002485	Đỗ Quang	Huy	Nam	13/07/2005	Khánh Hoà	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,22	Trung bình	
231	23002440	Trần Thế	Luân	Nam	07/12/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ6	A		2,33	Trung bình	
232	23004721	Hoàng Văn	Minh	Nam	04/09/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,20	Trung bình	
233	23004485	Trần Đức	Minh	Nam	26/08/2005	Bình Phước	23C1-CNÔ6			2,26	Trung bình	
234	23002490	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	02/11/2005	Long An	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,93	Khá	
235	23002504	Nguyễn Tùng	Nhân	Nam	17/09/2002	Cà Mau	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,52	Khá	
236	23004407	Đặng Chánh	Nhật	Nam	06/02/2004	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,41	Trung bình	
237	23002362	Ngô Minh	Nhựt	Nam	04/09/2003	Bến Tre	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,33	Trung bình	
238	23002369	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	15/07/2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-CNÔ6	A		2,31	Trung bình	
239	23004641	Nguyễn Trọng	Phát	Nam	04/12/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,61	Khá	
240	23002339	Ngô Huỳnh Vĩnh	Phú	Nam	13/08/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,19	Trung bình	
241	23002379	Đỗ Thanh	Tâm	Nam	11/03/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,99	Khá	
242	23002543	Kháng A	Tấn	Nam	12/06/2004	Đắk Nông	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,70	Khá	
243	23002432	Lê Trọng	Tấn	Nam	07/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,37	Trung bình	
244	23002531	Lê Nhật	Thái	Nam	30/09/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,75	Khá	
245	23002396	Nguyễn Đình	Thắng	Nam	20/04/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ6			2,21	Trung bình	
246	23002367	Nguyễn Đức	Thới	Nam	26/10/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ6	A		2,28	Trung bình	
247	23002536	Bùi Ngọc	Thuận	Nam	13/10/2005	Quảng Ngãi	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,14	Trung bình	
248	23002397	Nguyễn Minh	Trí	Nam	27/08/2005	Bình Thuận	23C1-CNÔ6			2,02	Trung bình	
249	23002498	Nguyễn Thanh	Trọng	Nam	27/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,24	Trung bình	
250	23002329	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	17/06/2005	Tây Ninh	23C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	2,54	Khá	
251	23001849	Trần Anh	Khoa	Nam	01/05/2005	Tiền Giang	23C1-CTM1	A	TOEIC 350	3,41	Giỏi	
252	23002441	Trần Anh	Kiệt	Nam	09/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CTM1	A	TOEIC 350	3,24	Giỏi	
253	23004765	Phan Quốc	Lưu	Nam	27/09/2005	Long An	23C1-CTM1			2,75	Khá	
254	23004342	Phan Văn	Thắng	Nam	18/09/2005	Quảng Bình	23C1-CTM1	A		3,01	Giỏi	
255	23002262	Huỳnh Mai	Thị	Nam	24/07/2005	Quảng Ngãi	23C1-CTM1	A		2,89	Khá	
256	23001037	Huỳnh Quang	Trường	Nam	22/08/2005	Đắk Lắk	23C1-CTM1	A		3,23	Giỏi	
257	23001757	Đặng Nhật	Vinh	Nam	07/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-CTM1	A	TOEIC 350	2,64	Khá	
258	23002091	Phan Hữu	Bảo	Nam	21/07/2005	Gia Lai	23C1-ĐCNI	A	TOEIC 350	2,53	Khá	
259	23002020	Trần Quốc	Bảo	Nam	25/07/2005	Long An	23C1-ĐCNI	A	TOEIC 350	2,67	Khá	
260	23002741	Đặng Thành	Công	Nam	20/10/2005	Tây Ninh	23C1-ĐCNI			2,46	Trung bình	
261	23004547	Lê Thành	Đạt	Nam	22/08/2005	Bến Tre	23C1-ĐCNI	A	TOEIC 350	2,92	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
262	23001850	Lê	Hoàng	Nam	14/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	2,22	Trung bình	
263	23001980	Lữ Quốc	Kiệt	Nam	17/06/2005	Trà Vinh	23C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	2,51	Khá	
264	23002019	Nguyễn Thành	Phúc	Nam	15/03/2005	Long An	23C1-ĐCN1		TOEIC 350	2,12	Trung bình	
265	23001738	Đỗ Minh	Tài	Nam	04/01/2005	Bình Phước	23C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	2,61	Khá	
266	23002088	Lê Văn	Tân	Nam	19/07/2005	An Giang	23C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	2,85	Khá	
267	23002652	Huỳnh Minh	Trung	Nam	09/04/2005	Tây Ninh	23C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	2,28	Trung bình	
268	23002580	Trần Văn	Trường	Nam	10/10/2005	Đồng Nai	23C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	2,37	Trung bình	
269	23002475	Nguyễn Ngọc Quốc	Việt	Nam	21/01/2005	Ninh Thuận	23C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	2,75	Khá	
270	23004286	Nguyễn Minh	Chí	Nam	21/03/2005	Long An	23C1-ĐĐT1	A		2,40	Trung bình	
271	23001725	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	20/09/2005	Bến Tre	23C1-ĐĐT1	A		2,20	Trung bình	
272	23002456	Nguyễn Minh	Hiền	Nam	15/01/2004	Đồng Nai	23C1-ĐĐT1			2,26	Trung bình	
273	23002559	Trần Quốc	Huy	Nam	26/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	3,38	Giỏi	
274	23002071	Nguyễn Lê	Kha	Nam	26/11/2005	Bình Định	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,17	Trung bình	
275	23002448	Lê Hoàng Minh	Khang	Nam	01/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	3,53	Xuất sắc	
276	23001727	Đào Trung	Kiên	Nam	30/07/2005	Đắk Lắk	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,44	Trung bình	
277	23001448	Lã Văn Thành	Lộc	Nam	05/10/2002	Bình Phước	23C1-ĐĐT1	A		2,49	Trung bình	
278	23002530	Tường Văn	Luân	Nam	17/10/2003	Bình Thuận	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,31	Trung bình	
279	23002422	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	13/07/2005	Đồng Nai	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,24	Trung bình	
280	23001628	Hồ Quang	Sang	Nam	24/12/2005	Bình Phước	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,17	Trung bình	
281	23001621	Nguyễn Hoàng Trí	Tấn	Nam	02/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,38	Trung bình	
282	23004723	Phạm Đắc	Thường	Nam	09/04/2005	Quảng Nam	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,25	Trung bình	
283	23004493	Nguyễn Anh	Toàn	Nam	10/09/2002	Quảng Bình	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,97	Khá	
284	23000370	Ngô Minh	Trung	Nam	17/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐĐT1			2,56	Khá	
285	23001699	Lê Nguyễn Đang	Trường	Nam	16/12/2005	Long An	23C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	2,36	Trung bình	
286	23004484	Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	07/10/2004	Yên Bái	23C1-ĐHĐ1			2,55	Khá	
287	23004502	Ninh Tuyết	Cơ	Nữ	03/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐHĐ1			3,04	Giỏi	
288	23004798	Đoàn Khánh	Duy	Nam	29/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,92	Khá	
289	23002169	Huỳnh Đức	Duy	Nam	01/02/2005	Hậu Giang	23C1-ĐHĐ1			2,61	Khá	
290	23004704	Nguyễn Quang	Hà	Nam	14/12/2005	Thanh Hoá	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,57	Khá	
291	23002056	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	Nam	15/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	3,03	Giỏi	
292	23001088	Nguyễn Nhất	Huy	Nam	11/03/2005	Cần Thơ	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,61	Khá	
293	23001913	Đặng Nguyên	Khang	Nam	04/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,91	Khá	
294	23002054	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	27/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐHĐ1			3,06	Giỏi	
295	23004692	Đỗ Hoàng	Quân	Nam	20/05/2005	Đồng Nai	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,48	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
296	23002444	Kră Jăn Ha	Su	Nam	19/06/2005	Lâm Đồng	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,55	Khá	
297	23004492	Nguyễn Tiến	Tâm	Nam	21/04/2005	Thanh Hoá	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,92	Khá	
298	23004465	Nguyễn Thanh	Tính	Nam	02/12/2005	Tiền Giang	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,87	Khá	
299	23004381	Châu Ngọc	Trường	Nam	10/10/2005	Quảng Nam	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	2,90	Khá	
300	23001574	Đỗ Chí	Vinh	Nam	01/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	3,03	Giỏi	
301	23002353	Lê Phương	Duy	Nam	06/01/2005	Bến Tre	23C1-KLB1		TOEIC 350	2,65	Khá	
302	23004540	Trà Phạm Việt	Hà	Nữ	04/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KLB1			3,16	Giỏi	
303	23004406	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/05/2004	Đắk Lắk	23C1-KLB1			2,78	Khá	
304	23004520	Lê Minh	Khoa	Nam	03/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KLB1	A	TOEIC 350	3,10	Giỏi	
305	23002205	Vương Khánh	Long	Nam	16/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KLB1			2,82	Khá	
306	23001882	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	05/04/2005	Bình Thuận	23C1-KLB1			2,83	Khá	
307	23002677	Nguyễn Đặng Ngọc	Trâm	Nữ	22/11/2005	Quảng Ngãi	23C1-KLB1			3,11	Giỏi	
308	23000881	Ngô Tuấn	Anh	Nam	17/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KML1		TOEIC 350	2,72	Khá	
309	23001339	Nguyễn Thành	Danh	Nam	25/11/2005	Trà Vinh	23C1-KML1	A	TOEIC 350	2,86	Khá	
310	23002727	Dương Tấn	Đạt	Nam	01/06/2005	Tây Ninh	23C1-KML1			2,82	Khá	
311	23001636	Trần Quốc	Dương	Nam	24/08/2004	Kiên Giang	23C1-KML1		TOEIC 350	2,35	Trung bình	
312	23002152	Võ Quang	Hung	Nam	16/06/2005	Thừa Thiên -Huế	23C1-KML1		TOEIC 350	2,80	Khá	
313	23000817	Lê Chấn	Huy	Nam	12/01/2000	Tây Ninh	23C1-KML1		TOEIC 350	3,45	Giỏi	
314	23002104	Trần Đăng	Khoa	Nam	04/12/2005	Bến Tre	23C1-KML1			2,64	Khá	
315	23000929	Nguyễn Chí	Lâm	Nam	21/01/2005	Kiên Giang	23C1-KML1			2,58	Khá	
316	23002097	Lý Tiến	Thành	Nam	04/03/2005	Bến Tre	23C1-KML1			2,92	Khá	
317	23001948	Nguyễn Hữu	Thống	Nam	02/09/2005	Tiền Giang	23C1-KML1		TOEIC 350	2,37	Trung bình	
318	23004506	Nguyễn Quốc	Triệu	Nam	01/08/2005	Bình Phước	23C1-KML1			2,34	Trung bình	
319	23004358	Trần Anh	Tuấn	Nam	06/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KML1			3,18	Giỏi	
320	23002414	Cù Nhật	Vinh	Nam	06/08/2004	Đồng Nai	23C1-KML1		TOEIC 350	2,56	Khá	
321	23004495	Hà Thị Thùy	Dung	Nữ	17/09/2005	Thanh Hoá	23C1-KTD1	A	TOEIC 350	3,24	Giỏi	
322	23004450	Nguyễn Công	Hiếu	Nam	08/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KTD1	A		3,13	Giỏi	
323	23002176	Vũ Lê Ngọc	Huyền	Nữ	19/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KTD1	A		2,93	Khá	
324	23005171	Lưu Vũ Ngọc	Kiên	Nam	25/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KTD1	A	TOEIC 350	3,02	Giỏi	
325	23002423	Lưu Ngọc	Lân	Nam	17/12/2005	Đắk Lắk	23C1-KTD1	A		3,78	Xuất sắc	
326	23000077	Phan Duy	Mạnh	Nam	03/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KTD1	A		3,32	Giỏi	
327	23001265	Phạm Thị Ngọc	Nghĩa	Nữ	13/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KTD1	A		3,57	Xuất sắc	
328	23004766	Nguyễn Đoàn Phương	Thảo	Nữ	14/08/2005	Long An	23C1-KTD1	A		3,15	Giỏi	
329	23004462	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	20/03/2005	An Giang	23C1-KTD1			2,85	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
330	23002648	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	Nữ	09/12/2005	Bình Định	23C1-KTD1			2,74	Khá	
331	23002139	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	06/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KTD1	A		2,74	Khá	
332	23002370	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	30/10/2005	Quảng Bình	23C1-KTD1	A	TOEIC 350	2,93	Khá	
333	23004601	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	22/08/2001	Khánh Hoà	23C1-KXD1		TOEIC 350	2,54	Khá	
334	23004494	Nguyễn Thanh	Hoàn	Nam	22/07/2004	Gia Lai	23C1-KXD1			2,22	Trung bình	
335	23004328	Đinh Mạnh	Hồng	Nam	11/03/2005	Bình Định	23C1-KXD1		TOEIC 350	3,36	Giỏi	
336	23004620	Đỗ Duy	Quang	Nam	15/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KXD1		TOEIC 350	2,58	Khá	
337	23001592	Phạm Nhật	Quang	Nam	01/08/2005	Bình Dương	23C1-KXD1	A	TOEIC 350	2,35	Trung bình	
338	23002781	Nguyễn Ngô Anh	Quốc	Nam	17/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KXD1	A	TOEIC 350	2,74	Khá	
339	23004399	Trần Đoàn	Thế	Nam	04/10/2005	Ninh Thuận	23C1-KXD1		TOEIC 350	2,44	Trung bình	
340	23004805	Nguyễn Thành	Triệu	Nam	11/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KXD1		TOEIC 350	2,86	Khá	
341	23004762	Trương Anh	Tuấn	Nam	10/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-KXD1			2,43	Trung bình	
342	23004334	Võ Thị Vân	Anh	Nữ	20/12/2005	Tiền Giang	23C1-LGT1	A	TOEIC 350	3,62	Xuất sắc	
343	23002042	Dương Gia	Bảo	Nam	08/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LGT1			2,75	Khá	
344	23002542	Nguyễn Thế	Bình	Nam	13/03/2005	Long An	23C1-LGT1	A	TOEIC 350	3,66	Xuất sắc	
345	23000779	Huỳnh Kim	Chi	Nữ	25/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LGT1			2,96	Khá	
346	23000004	Hoàng Chí	Chung	Nam	23/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LGT1		TOEIC 350	3,03	Khá	
347	23002663	Phạm Quốc	Cường	Nam	30/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LGT1			2,87	Khá	
348	23002394	Đào Huy	Dũng	Nam	24/10/2005	Cần Thơ	23C1-LGT1		TOEIC 350	2,98	Khá	
349	23002564	Vòng Hồ Anh	Duy	Nam	24/06/2004	Gia Lai	23C1-LGT1		TOEIC 350	3,00	Giỏi	
350	23002229	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	17/05/2005	Long An	23C1-LGT1	A	TOEIC 350	3,67	Xuất sắc	
351	23000981	Hồ Xuân	Hậu	Nam	10/01/2002	Bình Định	23C1-LGT1			3,21	Giỏi	
352	23000435	Nguyễn Quang	Khải	Nam	18/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LGT1	A	TOEIC 350	3,00	Giỏi	
353	23001488	Bùi Quang Anh	Khoa	Nam	24/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LGT1		TOEIC 350	3,32	Giỏi	
354	23002767	Bùi Thị Mỹ	Nhân	Nữ	25/01/2004	Quảng Ngãi	23C1-LGT1		TOEIC 350	3,27	Giỏi	
355	23004471	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	01/07/2004	Tây Ninh	23C1-LGT1	A	TOEIC 350	3,42	Giỏi	
356	23004580	Nguyễn Anh	Phương	Nam	10/03/2005	Bình Thuận	23C1-LGT1	A	TOEIC 350	3,33	Giỏi	
357	23004933	Hồ Hữu	Tài	Nam	04/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LGT1		TOEIC 350	3,52	Xuất sắc	
358	23001921	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	27/05/2005	Bình Thuận	23C1-LGT1		TOEIC 350	2,92	Khá	
359	23004865	Doãn Mạnh	Thắng	Nam	27/04/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-LGT1			2,88	Khá	
360	23004645	Nguyễn Phương Thảo	Trang	Nữ	26/02/2002	Bến Tre	23C1-LGT1		TOEIC 350	3,27	Giỏi	
361	23002636	Điền Thị Thanh	Trúc	Nữ	10/04/2005	Bình Phước	23C1-LGT1		TOEIC 350	2,72	Khá	
362	23002357	Cao Văn	Tuấn	Nam	24/09/1991	Hà Nội	23C1-LGT1		TOEIC 350	3,16	Giỏi	
363	23002537	Trần Thanh	Tùng	Nam	14/08/2005	Kiên Giang	23C1-LGT1			2,51	Khá	



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
364	23004523	Nguyễn Lê Phương	Uyên	Nữ	21/01/2005	Ninh Thuận	23C1-LGT1	A	TOEIC 350	3,32	Giỏi	
365	23002052	Lê Trung	Vũ	Nam	05/01/2005	Bình Thuận	23C1-LGT1			2,85	Khá	
366	23005232	Phan Thị Ngọc	Yến	Nữ	10/09/2003	Bình Thuận	23C1-LGT1	A	TOEIC 300	3,72	Xuất sắc	
367	23000009	Đào Duy	Anh	Nam	15/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,14	Trung bình	
368	23004627	Lê Quốc	Anh	Nam	11/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,91	Khá	
369	23002182	Bùi Thanh	Châu	Nam	19/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,81	Khá	
370	23001981	Hồ Phước	Cường	Nam	24/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,59	Khá	
371	23001390	Coóng Nghiệp	Đạt	Nam	11/05/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1			3,05	Giỏi	
372	23004379	Dương Tấn	Đạt	Nam	21/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,93	Khá	
373	23002594	Nguyễn Lý Nam	Định	Nam	12/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,76	Khá	
374	23002001	Phan Trần Khánh	Duy	Nam	15/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,34	Trung bình	
375	23001938	Võ Ngọc	Duy	Nam	08/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,38	Trung bình	
376	23002179	Võ Trường	Giang	Nam	04/09/2005	Long An	23C1-LTM1			2,31	Trung bình	
377	23002707	Nguyễn Anh	Hào	Nam	05/02/2004	Đồng Tháp	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,45	Trung bình	
378	23000216	Nguyễn Phước	Hậu	Nam	09/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,19	Giỏi	
379	23004569	Phạm Phú	Hiền	Nam	06/09/2005	Bến Tre	23C1-LTM1			2,69	Khá	
380	23001020	Trần Liên	Hoa	Nữ	06/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,59	Khá	
381	23000329	Trần Văn	Hoàng	Nam	22/02/2004	Quảng Bình	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,05	Trung bình	
382	23002320	Trần Văn	Khải	Nam	24/11/2005	Bình Thuận	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,39	Giỏi	
383	23002378	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	23/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1			2,42	Trung bình	
384	23001832	Hồ Hữu	Lộc	Nam	10/04/2005	Bến Tre	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,69	Khá	
385	23004707	Trương Hoài	Nam	Nam	07/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1			2,38	Trung bình	
386	23000042	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	11/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,35	Giỏi	
387	23004708	Dương Trung	Nguyên	Nam	05/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1			2,49	Trung bình	
388	23004838	Trương Phú Khôi	Nguyên	Nam	05/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,00	Giỏi	
389	23001848	Trần Trọng	Nhân	Nam	07/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,16	Giỏi	
390	23004404	Nguyễn Đức	Nhật	Nam	06/01/2005	Lâm Đồng	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,53	Khá	
391	23002622	Tạ Thiên	Phú	Nam	04/11/2005	Bình Thuận	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,65	Khá	
392	23004790	Võ Hoàng	Phúc	Nam	25/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,24	Giỏi	
393	23002113	Lê Văn	Phụng	Nam	03/02/1996	Ninh Thuận	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,09	Giỏi	
394	23004874	Nguyễn Bình	Phương	Nam	05/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,44	Trung bình	
395	23002324	Phạm Đình	Quốc	Nam	12/02/1999	Lâm Đồng	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,80	Khá	
396	23002141	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	20/10/2004	Tiền Giang	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,89	Khá	
397	23002686	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	19/07/2005	Gia Lai	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,53	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
398	23004740	Hồ Minh	Thư	Nữ	20/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,63	Khá	
399	23000212	Nguyễn Trung	Toàn	Nam	25/03/1998	Tây Ninh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,89	Khá	
400	23001971	Phạm Trần Đình	Trí	Nam	13/11/2005	Bến Tre	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,39	Trung bình	
401	23004603	Dương Quốc	Trung	Nam	05/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,79	Khá	
402	23002031	Trần Thanh	Trung	Nam	24/10/2005	Đồng Tháp	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,84	Khá	
403	23002036	Trần Hoàng	Tú	Nam	21/04/2005	Đồng Tháp	23C1-LTM1		TOEIC 350	2,95	Khá	
404	23004360	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	29/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1			2,75	Khá	
405	23001822	Trần Anh	Vũ	Nam	06/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-LTM1		TOEIC 350	3,14	Giỏi	
406	23002527	Trần Ngọc Bảo	Hân	Nữ	25/05/2005	Lâm Đồng	23C1-NHQ1			3,13	Giỏi	
407	23002510	Ngô Tuấn	Khang	Nam	28/10/2005	Bến Tre	23C1-NHQ1			3,45	Giỏi	
408	23002777	Hoàng Như	Anh	Nữ	14/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	3,47	Giỏi	
409	23004392	Đỗ Mai Ngọc	Ánh	Nữ	05/06/2005	Long An	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	2,94	Khá	
410	23001228	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	03/04/1993	Long An	23C1-NNA1		Tiếng Trung	3,30	Giỏi	
411	23004327	Lê Trần Quốc	Khôi	Nam	05/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	3,13	Giỏi	
412	23004848	Diệp Quang	Minh	Nam	03/08/2005	Long An	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	3,66	Xuất sắc	
413	23004490	Mã Cảnh	Phong	Nam	03/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	2,96	Khá	
414	23004340	Nguyễn Thành	Tài	Nam	06/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	2,94	Khá	
415	23004458	Y	Thanh	Nữ	05/05/2005	Kon Tum	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	3,15	Giỏi	
416	23001728	Trần Ngọc Anh	Thùy	Nữ	28/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	3,94	Xuất sắc	
417	23004724	Đặng Thị Thùy	Trâm	Nữ	04/02/2005	Đồng Nai	23C1-NNA1	A	Tiếng Trung	3,23	Giỏi	
418	23001549	Chung Mỹ	Đào	Nữ	24/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NTN1	A	TOEIC 350	3,09	Giỏi	
419	23004438	Phạm Nguyễn Gia	Hân	Nữ	05/05/2005	Quảng Ngãi	23C1-NTN1	A	TOEIC 350	3,22	Giỏi	
420	23001786	Huỳnh Thiên	Hương	Nữ	02/08/2001	Quảng Nam	23C1-NTN1	A	TOEIC 350	3,25	Giỏi	
421	23004672	Lê Hoàng	Long	Nam	19/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NTN1	A	TOEIC 350	3,35	Giỏi	
422	23002418	Trần Kim Ngọc	Thảo	Nữ	05/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NTN1		TOEIC 350	3,06	Giỏi	
423	23004715	Phạm Triều	Vĩ	Nam	08/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-NTN1	A	TOEIC 350	2,97	Khá	
424	23001824	Huỳnh Văn	Bo	Nam	27/05/2005	An Giang	23C1-QKS1			3,25	Giỏi	
425	23001917	Nguyễn Ngọc Minh	Hương	Nữ	26/04/2005	Bến Tre	23C1-QKS1	A	TOEIC 350	3,74	Xuất sắc	
426	23002693	Trần Đăng	Khoa	Nam	16/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QKS1	A	TOEIC 350	2,87	Khá	
427	23002253	Đặng Thanh	Lý	Nam	05/06/2005	Tây Ninh	23C1-QKS1			3,17	Giỏi	
428	23004486	Dương Lê Ngọc	Mai	Nữ	31/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QKS1			3,04	Giỏi	
429	23004459	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	31/12/2005	Bạc Liêu	23C1-QKS1	A	TOEIC 350	3,34	Giỏi	
430	23001701	Nguyễn Trương Phương	Nghi	Nữ	20/11/2005	Tây Ninh	23C1-QKS1		TOEIC 350	3,12	Giỏi	
431	23004684	Nguyễn Hoàng	Sang	Nam	02/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QKS1			2,71	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
432	23002403	Ngô Nguyễn Trúc	Thư	Nữ	14/09/2005	Vĩnh Long	23C1-QKS1	A		3,49	Giỏi	
433	23004457	Lý Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	23/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QKS1		TOEIC 350	3,27	Giỏi	
434	23001934	Phan Ngọc	Trân	Nữ	11/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QKS1	A	TOEIC 350	2,97	Khá	
435	23002625	Phạm Ngọc Chí	Bình	Nam	26/10/2005	Tiền Giang	23C1-QNH1			2,86	Khá	
436	23002427	Nguyễn Trọng	Kha	Nam	02/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1			2,74	Khá	
437	23004808	Trương Gia	Linh	Nữ	15/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1			2,75	Khá	
438	23000011	Nguyễn Nam	Long	Nam	25/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1			2,96	Khá	
439	23001836	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	18/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1			3,28	Giỏi	
440	23001944	On Bồi	Ngọc	Nữ	30/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1			2,61	Khá	
441	23004582	Lý Hoàng	Như	Nữ	10/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1			2,77	Khá	
442	23002008	Tạ Thị Quỳnh	Như	Nữ	19/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1		TOEIC 350	3,12	Giỏi	
443	23000003	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	Nữ	29/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QNH1			3,03	Giỏi	
444	23002044	Võ Khánh	Duy	Nam	23/03/2005	Tây Ninh	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	2,42	Trung bình	
445	23002355	Lê Văn	Giang	Nam	21/05/2005	Đồng Nai	23C1-QTD1		TOEIC 350	2,45	Trung bình	
446	23004563	Quan Gia	Hữu	Nam	22/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QTD1			2,67	Khá	
447	23002526	Lê Thị	Lặc	Nữ	08/08/2005	Bình Thuận	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	2,75	Khá	
448	23004499	Phan Thanh	Liêm	Nam	07/12/2003	Tiền Giang	23C1-QTD1			2,52	Khá	
449	23000978	Thái Mỹ	Ngọc	Nữ	13/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	3,24	Giỏi	
450	23002216	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/12/2005	Cần Thơ	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	2,94	Khá	
451	23004795	Phan Minh	Quân	Nam	08/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	2,93	Khá	
452	23001073	Nguyễn Ngô Hoàng	Tâm	Nam	03/08/2005	Bình Phước	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	2,89	Khá	
453	23002279	Đỗ Huyền	Trang	Nữ	25/02/2005	Bạc Liêu	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	3,11	Giỏi	
454	23001977	Nguyễn Thị Thuý	Trang	Nữ	30/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QTD1	A		2,81	Khá	
455	23000905	Nguyễn Ngọc	Trình	Nữ	21/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QTD1			3,29	Giỏi	
456	23002518	Nguyễn Ngọc	Trường	Nam	01/03/2005	Quảng Ngãi	23C1-QTD1	A	TOEIC 350	2,64	Khá	
457	23000306	Dương Khánh	Uyên	Nữ	26/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QTD1			2,84	Khá	
458	23001031	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	24/07/2003	Cà Mau	23C1-QTM1		TOEIC 350	2,80	Khá	
459	23004388	Nguyễn Thiện	Khanh	Nam	29/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-QTM1		TOEIC 350	3,30	Giỏi	
460	23000625	Vạn Trung	Kiên	Nam	22/06/2003	Ninh Thuận	23C1-QTM1		TOEIC 350	3,10	Giỏi	
461	23001771	Võ Thanh	Phong	Nam	02/06/2005	Tây Ninh	23C1-QTM1		TOEIC 350	2,73	Khá	
462	23000594	Nguyễn Huỳnh Trung	Tính	Nam	12/04/2005	Phú Yên	23C1-QTM1			2,88	Khá	
463	23004345	Nguyễn Tấn	Đoàn	Nam	12/08/2005	Đồng Nai	23C1-TĐH1	A	TOEIC 350	3,51	Xuất sắc	
464	23002069	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	21/12/2005	Quảng Ngãi	23C1-TĐH1		TOEIC 350	2,85	Khá	
465	23000635	Nguyễn Xuân Trung	Tín	Nam	08/07/2000	Bình Thuận	23C1-TĐH1	A	TOEIC 350	2,99	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
466	23004482	Phan Nguyễn Quốc	Triệu	Nam	08/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TĐH1			2,57	Khá	
467	23004287	Huỳnh Phú	Yên	Nam	29/04/2005	Bến Tre	23C1-TĐH1	A	TOEIC 350	2,60	Khá	
468	23000251	Lương Gia	Bảo	Nam	20/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,68	Khá	
469	23002291	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	14/10/2005	Kiên Giang	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,84	Khá	
470	23004677	Sùng Thanh	Cao	Nam	18/02/2004	Yên Bái	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	3,18	Giỏi	
471	23001923	Phan Tấn	Đạt	Nam	14/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,65	Khá	
472	23002373	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	19/03/2005	Quảng Ngãi	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,83	Khá	
473	23000177	Phạm Cẩm Huy	Hoàng	Nam	10/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,95	Khá	
474	23002148	Lê Nguyễn Kim	Huệ	Nữ	06/10/2005	Bình Phước	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	3,06	Giỏi	
475	23000518	Nguyễn Phạm Thiên	Hương	Nữ	23/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	3,13	Giỏi	
476	23002669	Tăng Phạm Huỳnh	Hương	Nữ	04/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,87	Khá	
477	23004483	Nguyễn Trần Bảo	Liêm	Nam	19/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,86	Khá	
478	23002488	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	19/01/2005	Đắk Lắk	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,53	Khá	
479	23002057	Nguyễn Xuân	Nghi	Nữ	01/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1			2,77	Khá	
480	23002254	Hồ Thanh Trọng	Nghĩa	Nam	04/08/2005	Bình Thuận	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,88	Khá	
481	23002754	Nguyễn Hồ Thanh	Nhâm	Nam	03/03/2003	Bình Định	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,92	Khá	
482	23000554	Huỳnh Ngọc	Nhi	Nữ	10/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,98	Khá	
483	23004565	Lý Đức	Phát	Nam	17/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	3,12	Giỏi	
484	23000571	Hà Thanh	Phong	Nam	26/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,98	Khá	
485	23002151	Trịnh Thế	Phong	Nam	18/02/2005	Tiền Giang	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,83	Khá	
486	23000785	Phạm Gia	Phúc	Nam	27/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,93	Khá	
487	23004546	Trần Trọng	Phúc	Nam	07/09/2005	An Giang	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	3,14	Giỏi	
488	23002334	Dương Thuý	Quỳnh	Nữ	09/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	3,24	Giỏi	
489	23004363	Võ Lê Song	Thắng	Nam	08/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1			2,54	Khá	
490	23001560	Ngô Ngọc	Tiên	Nữ	20/06/2005	Bến Tre	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	3,11	Giỏi	
491	23002632	Nguyễn Hoàng Anh	Tú	Nam	08/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1		TOEIC 350	2,75	Khá	
492	23001834	Nguyễn Lê Phúc	Tú	Nam	29/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1			2,63	Khá	
493	23002297	Ngô Hoàng	Tuấn	Nam	21/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TKĐ1			2,34	Trung bình	
494	23004456	Trần Nguyễn Đại	Hung	Nam	05/06/2005	Lâm Đồng	23C1-TMĐ1		TOEIC 350	2,94	Khá	
495	23004393	Đỗ Anh	Kiệt	Nam	06/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TMĐ1		TOEIC 350	3,31	Giỏi	
496	23004552	Hà Thanh	Ngân	Nữ	16/10/2005	Bình Thuận	23C1-TMĐ1			2,81	Khá	
497	23001681	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	21/05/2005	Bến Tre	23C1-TMĐ1			3,11	Giỏi	
498	23001461	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	31/03/2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-TMĐ1			2,49	Trung bình	
499	23001679	Võ Thành	Nhân	Nam	13/10/2005	Bến Tre	23C1-TMĐ1		TOEIC 350	2,98	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
500	23001622	Nguyễn Thị Kim	Nhung	Nữ	26/01/2005	Bình Phước	23C1-TMĐ1		TOEIC 350	3,25	Giỏi	
501	23004932	Nguyễn Duy	Phúc	Nam	14/05/2004	Đắk Lắk	23C1-TMĐ1			2,50	Khá	
502	23001680	Nguyễn Chí	Tâm	Nam	26/06/2005	Bến Tre	23C1-TMĐ1			2,95	Khá	
503	23002585	Vũ Thị Minh	Tâm	Nữ	04/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TMĐ1		TOEIC 350	2,68	Khá	
504	23000667	Hồ Trần Lê Cẩm	Tú	Nữ	04/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-TMĐ1			2,94	Khá	
505	23002724	Trần Ngọc	Tươi	Nam	07/11/2004	Bình Thuận	23C1-TMĐ1			2,51	Khá	
506	23001777	Hà Gia	Bảo	Nam	09/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,80	Khá	
507	23001845	Lê Nguyễn Thế	Bảo	Nam	26/05/2005	Long An	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,64	Khá	
508	23001846	Nguyễn Lê Ngự	Bình	Nam	17/06/2005	Long An	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,48	Trung bình	
509	23002709	Trần Đức	Đạt	Nam	14/05/2004	Kiên Giang	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,67	Khá	
510	23001993	Nguyễn Văn	Giáp	Nam	13/08/2005	Gia Lai	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,97	Khá	
511	23004749	Phan Mạnh	Kiên	Nam	03/08/2004	Đắk Nông	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,97	Khá	
512	23002136	Đỗ Hoàng	Lộc	Nam	05/09/2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,25	Trung bình	
513	23004500	Nguyễn Công	Minh	Nam	05/10/2005	Đồng Tháp	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,67	Khá	
514	23002326	Trịnh Phan Hoàng	Nam	Nam	17/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-VSL1	A		2,42	Trung bình	
515	23000239	Lê Duy Thanh	Phong	Nam	31/05/2002	Tp. Hồ Chí Minh	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,93	Khá	
516	23001994	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	11/06/2005	Gia Lai	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,54	Khá	
517	23001997	Vũ Văn	Phúc	Nam	24/07/2005	Gia Lai	23C1-VSL1	A	TOEIC 350	2,64	Khá	
518	23001996	Vũ Đoàn	Phước	Nam	23/10/2005	Gia Lai	23C1-VSL1	A		2,79	Khá	
519	23002333	Nguyễn Đức Quốc	An	Nam	12/07/2005	Bình Phước	23C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	2,91	Khá	
520	23001290	Nguyễn Vũ Gia	Bảo	Nam	15/01/2005	Tây Ninh	23C3-CNÔ1			2,44	Trung bình	
521	23000685	Trần Mạnh	Cường	Nam	17/02/2004	Bình Thuận	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,70	Khá	
522	23001919	Võ Văn	Giang	Nam	24/01/2005	Gia Lai	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	3,00	Giỏi	
523	23001718	Nguyễn Gia	Huy	Nam	03/09/2005	Cà Mau	23C3-CNÔ1			2,35	Trung bình	
524	23001594	Mai Lê Anh	Khôi	Nam	30/03/2005	Ninh Thuận	23C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	2,38	Trung bình	
525	23001510	Huỳnh Nguyễn	Kiệt	Nam	29/08/2004	Long An	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,33	Trung bình	
526	23002025	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	29/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,70	Khá	
527	23001764	Hoàng Đại	Nghĩa	Nam	22/01/2005	Gia Lai	23C3-CNÔ1			2,53	Khá	
528	23002073	Ngô Phước	Nhiều	Nam	01/06/2005	Đồng Tháp	23C3-CNÔ1			2,92	Khá	
529	23001148	Nguyễn Tấn	Phú	Nam	02/10/2005	Long An	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,83	Khá	
530	23001883	Phạm Minh	Phụng	Nam	27/06/2005	Quảng Ngãi	23C3-CNÔ1			2,79	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
531	23001986	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	15/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	3,18	Giỏi	
532	23001567	Lê Công Duy	Quang	Nam	15/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,98	Khá	
533	23001128	Võ Vĩnh Hiệp	Quốc	Nam	04/07/2000	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	3,04	Giỏi	
534	23000027	Phan Hoàng Ngọc	Thạch	Nam	21/02/2001	Nam Định	23C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	3,20	Giỏi	
535	23001483	Phạm Ngọc	Thái	Nam	31/07/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	23C3-CNÔ1			2,48	Trung bình	
536	23001586	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	21/01/2005	Quảng Bình	23C3-CNÔ1			2,85	Khá	
537	23002474	Bùi Văn	Thức	Nam	24/08/2005	Quảng Ngãi	23C3-CNÔ1			2,68	Khá	
538	23001966	Phạm Hữu	Tiến	Nam	03/10/2005	Tây Ninh	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,93	Khá	
539	23001710	Trần Minh	Til	Nam	16/01/2005	Cà Mau	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,64	Khá	
540	23002055	Lâm Nguyễn Thanh	Tường	Nam	30/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ1		TOEIC 400	2,51	Khá	
541	23001937	Phạm Trường	Vũ	Nam	23/04/2005	Đồng Tháp	23C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	2,96	Khá	
542	23002681	Lê Nhựt	Anh	Nam	16/09/2004	Kiên Giang	23C3-CNÔ2			2,72	Khá	
543	23002630	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	06/12/2005	Bình Thuận	23C3-CNÔ2			2,46	Trung bình	
544	23002484	Nguyễn Văn	Brasil	Nam	30/07/2004	An Giang	23C3-CNÔ2			2,18	Trung bình	
545	23001242	Nguyễn Lê Thành	Đạt	Nam	03/05/2005	Vĩnh Long	23C3-CNÔ2			2,45	Trung bình	
546	23002101	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	16/03/2005	Bến Tre	23C3-CNÔ2			2,44	Trung bình	
547	23002106	Lê Hoàng	Đầu	Nam	01/06/2005	Bến Tre	23C3-CNÔ2			2,46	Trung bình	
548	23002105	Ngô Bảo	Duy	Nam	03/10/2005	Bến Tre	23C3-CNÔ2			2,37	Trung bình	
549	23004312	Trần Thế	Duy	Nam	09/11/2005	Sóc Trăng	23C3-CNÔ2	A	TOEIC 400	2,81	Khá	
550	23002345	Nguyễn Tấn	Hải	Nam	01/08/2005	Bình Phước	23C3-CNÔ2			2,30	Trung bình	
551	23002739	Lê Thái	Học	Nam	23/03/2005	Long An	23C3-CNÔ2		TOEIC 400	2,89	Khá	
552	23002227	Bùi Hồng	Hưng	Nam	30/05/2005	Ninh Thuận	23C3-CNÔ2		TOEIC 350	2,52	Khá	
553	23002695	Ngô Tiến	Huy	Nam	20/10/2005	Gia Lai	23C3-CNÔ2	IC3		2,40	Trung bình	
554	23002671	Lý Phú	Khang	Nam	28/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ2			2,82	Khá	
555	23002688	Nguyễn Mậu	Lộc	Nam	02/08/2004	Bình Thuận	23C3-CNÔ2		TOEIC 400	2,22	Trung bình	
556	23002525	Trương Huỳnh Tấn	Lộc	Nam	12/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ2			2,11	Trung bình	
557	23002487	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	16/03/2005	An Giang	23C3-CNÔ2			2,45	Trung bình	
558	23002479	Võ Mai	Thâu	Nam	16/12/2004	Tây Ninh	23C3-CNÔ2			2,58	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Ghi chú
559	23002603	Trần Anh	Tuấn	Nam	26/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C3-CNÔ2			2,75	Khá	
560	23004587	Đỗ Hồng	Vỹ	Nam	12/09/2005	Quảng Ngãi	23C3-CNÔ2			2,73	Khá	
561	23002275	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	30/04/2005	Tiền Giang	23C8-ĐCN1	IC3	TOEIC 400	2,98	Khá	
562	23004612	Dương Quốc	Tú	Nam	31/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	23C8-ĐCN1	IC3	TOEIC 400	2,80	Khá	
563	23004888	Phạm Anh	Tú	Nam	24/07/2002	Tây Ninh	23C8-ĐCN1	IC3	TOEIC 400	2,62	Khá	
564	23000176	Nguyễn Thanh Thiên	Tứ	Nam	14/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	23C8-ĐCN1	IC3	TOEIC 400	3,17	Giỏi	

Tổng cộng: 564 sinh viên, trong đó:

+ Xuất sắc: 15 2,66 %

+ Giỏi: 104 18,44 %

+ Khá: 264 46,81 %

+ Trung bình: 181 32,09 %

Số sinh viên đủ điều kiện nhận bằng: 284 sv (50,35%)